

ÁN LỆ Ở ANH VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆC CÔNG BỐ VÀ ÁP DỤNG ÁN LỆ TẠI VIỆT NAM

ĐẶNG THỊ HỒNG TUYẾN *
BÙI THỊ MINH TRANG **

Tóm tắt: Nguồn luật chính tạo nên đặc trưng của hệ thống pháp luật Anh là án lệ. Anh được biết đến như “cái nôi” sinh ra án lệ và nguyên tắc tiền lệ pháp (*stare decisis*). Trong quá trình xét xử tại toà, các thẩm phán của Anh phải tuân thủ nguyên tắc tiền lệ pháp, chịu sự ràng buộc bởi án lệ. Bài viết làm rõ một số nội dung liên quan đến án lệ; cách hiểu về thuật ngữ “án lệ” ở Anh; lí giải tại sao cần áp dụng án lệ; nguyên tắc áp dụng tiền lệ pháp; những thay đổi trong nội dung của nguyên tắc này và vấn đề hiệu lực của án lệ ở Anh từ khi ra đời cho đến nay. Bài viết cũng phân tích quy trình công bố án lệ ở Anh, trong đó đặc biệt là quá trình hình thành các tuyển tập án lệ (*law report*) – nơi tập hợp, lưu trữ các bản án được coi là án lệ, qua đó phần nào lí giải được bề dày lịch sử phát triển của án lệ ở Anh, từ đó có một số gợi mở cho quy trình công bố án lệ ở Việt Nam.

Từ khóa: Án lệ; hiệu lực; nguyên tắc tiền lệ pháp; quy trình công bố án lệ

Nhận bài: 25/10/2019

Hoàn thành biên tập: 29/12/2020

Duyệt đăng: 31/12/2020

CASE LAW IN THE UK AND SOME SUGGESTIONS FOR THE APPLICATION OF CASE LAW IN VIETNAM

Abstract: The main source of law that forms the UK legal system is the case law. The UK is known as the “cradle” of precedent and the *stare decisis* principle. During the process of a trial, the UK judges must comply with the principle of *stare decisis*, also they are bounded by case law. The Article clarifies some aspects regarding case law; the understanding of the term “case law” in the UK; the explanation why we need to apply case law; the principle of applying *stare decisis*, changes in its content and the validity of case law in the UK from its commencement up to now. The paper also analyses the publication process of a case law in the UK, especially the process of forming law reports where the sentences are gathered and stored as precedents, thereby partly explains the long history of case law in UK, as well as introduces some suggestions for the process of proclaiming case law in Vietnam.

Keywords: Case law; validity; *stare decisis*; case law publication process

Received: Oct 25th, 2019; Editing completed: Dec 29th, 2020; Accepted for publication: Dec 31st, 2020

1. Khái niệm “án lệ” trong hệ thống pháp luật Anh

Trong hệ thống pháp luật Anh, liên quan đến án lệ, có hai thuật ngữ thường

được sử dụng là “case law” và “precedent”. Từ điển thuật ngữ luật học của Oxford đưa ra cách hiểu về hai thuật ngữ như sau: “case law” là một bộ phận pháp luật được đưa ra từ phán quyết của toà án, phân biệt với pháp luật thành văn; “precedent” là bản án hoặc quyết định của toà án, thường được ghi lại

* Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: danghongtuyenhlu@hlu.edu.vn

** Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: buiminhttrang@hlu.edu.vn

trong một tuyển tập án lệ (law report), được sử dụng như một căn cứ pháp lý để đưa ra quyết định tương tự trong những trường hợp sau đó. Theo pháp luật Anh, bản án và quyết định có thể là tiền lệ có hiệu lực (authoritative precedent), thường có tính ràng buộc và phải tuân thủ hoặc tiền lệ thuyết phục (persuasive precedent) (không buộc phải tuân theo).⁽¹⁾

Theo Peter De Cruz, “case law” được sử dụng theo hai nghĩa khác nhau. *Thứ nhất*, theo nghĩa rộng, “case law” được hiểu là toàn bộ các quy định bất thành văn được tuyên bố hoặc được phát triển bởi một quyết định tư pháp. Bộ phận pháp luật này được gọi là “jurisprudence” ở Pháp. *Thứ hai*, theo nghĩa hẹp, “case law” đề cập phương thức sử dụng các nguyên tắc pháp lý đã được thiết lập, làm cơ sở cho việc giải quyết các tình huống trong tương lai. “Case law” theo nghĩa này chính là các phương pháp được sử dụng trong phát triển truyền thống common law ở Anh.⁽²⁾

Như vậy, có thể thấy án lệ ở Anh được hiểu là những nguyên tắc pháp lý rút ra từ những phán quyết của toà án, cung cấp tiền lệ hay cơ sở pháp lý để thẩm phán giải quyết các vụ việc có tình tiết tương tự ở hiện tại hoặc tương lai.

Vậy, tại sao cần áp dụng án lệ? Một số học giả cho rằng: xuất phát từ tư tưởng công bằng của nhà triết học Aristote là “các trường hợp giống nhau phải được xử lí như

nhau” (Like cases must be decided alike),⁽³⁾ các luật gia Common law sử dụng triệt để cách thức này để xây dựng và áp dụng án lệ. Kỹ thuật tư duy đặc thù của thông luật tạo ra án lệ không phải là diễn dịch, cũng không phải là quy nạp mà là suy luận tương tự (“analogical thinking”), có nghĩa là lấy tính giống nhau làm tiêu chuẩn hay là cái tương tự. Một quy tắc án lệ gọi là “ratio” được hình thành dựa trên ba yếu tố: 1) các tình tiết của vụ việc (facts); 2) lí lẽ hay lập luận (reason); 3) quyết định của toà án (decision). Khi toà án giải quyết vụ việc đầu tiên chỉ tạo ra hình mẫu hay phác thảo nên một quy tắc chứ chưa phải là một quy tắc hoàn hảo. Hay nói cách khác, một quy tắc hay nguyên tắc án lệ được hình thành phải trải qua hàng loạt vụ việc tương tự về sau. Các thẩm phán sau này khi giải quyết một vụ việc cần phải xác định và đánh giá lí lẽ tương tự, nếu vụ việc này tương tự thì sẽ áp dụng lí lẽ trong bản án trước để giải quyết vụ việc, nếu không tương tự thì không áp dụng.⁽⁴⁾

Thực tế, không thể có hai vụ việc có tình tiết hoàn toàn giống nhau. Tuy nhiên, nếu những tình tiết quan trọng của hai vụ việc không khác nhau, thẩm phán buộc phải đi theo phán quyết trước đó của toà án cấp cao hơn. Phán quyết đó được gọi là tiền lệ pháp (precedent) và nguyên tắc ràng buộc bởi phán quyết đó là nguyên tắc tiền lệ pháp

(1). Elizabeth A. Martin (biên soạn), *Oxford Dictionary of Law*, Oxford University Press, 2003, p. 374.

(2). Peter De Cruz, *Comparative Law in A Changing World*, Cavendish Publishing Limited, 1999, p. 243.

(3). Benjamin Johnson, Richard Jordan, *Why Should Like Cases Be Decided Alike? A Formal Model of Aristotelian Justice*, 2017, <https://scholar.princeton.edu>, truy cập 15/7/2020.

(4). Đỗ Thanh Trung, *Án lệ: Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, <http://tks.edu.vn/>, truy cập 15/7/2020.

(stare decisis). Nếu có sự khác biệt ở tình tiết quan trọng, thẩm phán có thể ra phán quyết khác biệt với vụ việc trước đó.

Bên cạnh đó, hai học giả người Anh là Catherine Elliott và Frances Quinn cũng cho rằng án lệ bắt nguồn từ các quyết định của các thẩm phán trong các trường hợp trước đó (quyết định của bồi thẩm đoàn không phải là luật điển hình). Khi đưa ra phán quyết cho một vụ án, có hai nhiệm vụ cơ bản: *thứ nhất*, xác định sự thật là gì, có nghĩa là điều gì đã xảy ra; *thứ hai*, pháp luật áp dụng như thế nào đối với những sự kiện đó. Việc thực hiện nhiệm vụ thứ hai có thể tạo ra án lệ, dựa trên quan niệm cho rằng một phán quyết đã được đưa ra dựa trên cách thức áp dụng luật cho tình tiết/tập hợp các tình tiết cụ thể của vụ việc thì với những tình tiết tương tự trong các vụ việc xảy ra sau đó cũng nên được áp dụng luật theo hướng như vậy, theo nguyên tắc stare decisis (nguyên tắc tuân thủ những gì đã quyết). Điều này rõ ràng công bằng hơn việc cho phép mỗi thẩm phán giải thích luật, áp dụng luật một cách khác nhau và cũng mang tính dự báo, giúp cho người dân tuân thủ pháp luật một cách dễ dàng hơn.⁽⁵⁾

Bằng việc xem xét các bằng chứng, đánh giá các tình tiết pháp lý và dựa trên các lập luận, giải thích các nguyên tắc pháp lý, thẩm phán đưa ra quyết định về kết quả vụ kiện. Những lập luận, giải thích các nguyên tắc pháp lý mà dựa vào đó phán quyết được đưa ra được gọi là ratio decidendi – một thuật

ngữ Latin có nghĩa là “lí do để quyết định”, là một phần của bản án, được coi là tiền lệ ràng buộc, hình thành nên án lệ.

2. Nguyên tắc tiền lệ pháp (stare decisis) - nguyên tắc áp dụng án lệ ở Anh

Trong khi các luật gia châu Âu lục địa thường bắt đầu từ quy định pháp luật thành văn đang có sẵn, bằng phương pháp suy diễn sẽ đưa ra kết luận cần thiết cho vụ việc mà họ đang xem xét thì các luật gia Anh phải bắt đầu nghiên cứu từ các tình tiết xảy ra, so sánh với các nguyên tắc pháp lý tương ứng mà các toà đã đưa ra trong các vụ trước đó và từ án lệ có liên quan để tìm ra các quy định có tính bắt buộc phải tuân theo bằng phương pháp quy nạp. Chính vì vậy, án lệ ở Anh gắn liền với nguyên tắc tiền lệ pháp, có nghĩa là “*án lệ có giá trị ràng buộc chính thức đối với các vụ việc trong tương lai*” (Doctrine of binding precedent),⁽⁶⁾ cũng có thể hiểu là việc tuân thủ các phán quyết trước đây và không phá vỡ những quy phạm pháp luật đã được thiết lập trong án lệ.⁽⁷⁾ Trên thực tế, nguyên tắc tiền lệ pháp đã ra đời từ khoảng thế kỉ XIII nhưng phải đến thế kỉ XVII, XVIII nguyên tắc này mới trở thành bắt buộc ở Anh.⁽⁸⁾

Nguyên tắc tiền lệ pháp có hai nội dung chính là: 1) khi xét xử các toà án cấp dưới

(5). Catherine Elliott và Frances Quinn, *English Legal System*, Pearson Longman, 2009, p. 12.

(6). Nguyễn Văn Nam, “Nghiên cứu so sánh nguồn luật án lệ trong hệ thống pháp luật nước Anh”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 5/2007, tr. 41.

(7). Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật so sánh*, Nxb. Công an nhân dân, 2016, tr. 260.

(8). Micheal Bogdan, *Luật so sánh*, bản dịch tiếng Việt của Lê Hồng Hạnh và Dương Thị Hiền, Nxb. Kluwer Law & Taxation, 1994, tr. 80.

phải tuân theo án lệ của toà án cấp trên; 2) các toà án khi tạo ra án lệ cần phải tuân thủ án lệ do chính mình tạo ra.

Theo nguyên tắc này, toà án cấp dưới chịu sự ràng buộc bởi các nguyên tắc pháp lí do toà án cấp trên đưa ra được ghi nhận tại các bản án xét xử các vụ kiện trong quá khứ. Toà án cấp trên được hiểu là Toà án tối cao của Vương quốc Anh (Supreme court of the UK),⁽⁹⁾ vị trí mà trước đây thuộc về Thượng nghị viện (House of Lord); Toà phúc thẩm (Court of Appeal) và Toà án cấp cao (High court). Tuy nhiên, không phải mọi bản án của toà án này đều có giá trị ràng buộc mà chỉ có những bản án được xuất bản mới trở thành án lệ và có giá trị ràng buộc. Ví dụ: đối với Toà án cấp cao, chỉ khoảng 10% các phán quyết của toà này được xuất bản và vì vậy được coi là án lệ. Ở Toà phúc thẩm, con số này là khoảng 25%.⁽¹⁰⁾ Các toà án ở Anh coi trọng và gần như có sự tuân thủ tuyệt đối nội dung thứ nhất của nguyên tắc tiền lệ pháp. Bằng chứng là trong hai quyết định

đưa ra vào năm 1970, trong vụ Cassel vs Broome và vụ Miliangos vs Geoge Frank (Textiles) Ltd, Thượng nghị viện Anh đã phê bình gay gắt Toà phúc thẩm vì đã từ chối áp dụng các án lệ của Thượng nghị viện.⁽¹¹⁾ Các phán quyết của Toà phúc thẩm và Toà cấp cao dù không có giá trị ràng buộc thông thường lại được Thượng nghị viện rất tôn trọng nhưng các phán quyết của các toà án cấp dưới như Toà hình sự trung ương, Toà địa hạt hay Toà pháp quan... sẽ không thể trở thành án lệ và có tính bắt buộc với các toà án khác.

Ngược lại với điều này, nội dung thứ hai của nguyên tắc tiền lệ pháp dường như lại không được tuân thủ chặt chẽ, thậm chí là việc tuân thủ hay không còn phụ thuộc vào quan điểm của từng toà và có sự thay đổi theo thời gian. Ví dụ như trước đây Thượng nghị viện Anh cũng đã tuân thủ những phán quyết của chính mình nhưng trong vài thập kỉ gần đây thì điều này đã thay đổi. Cụ thể, vào năm 1966, Thượng nghị viện Anh đã ra tuyên bố rằng khi xem xét quyết định có giá trị bắt buộc mà Thượng nghị viện đưa ra trong quá khứ, Thượng nghị viện có quyền “*quyết định khác với quyết định trước đây, khi họ có cơ sở để thực hiện điều đó*”.⁽¹²⁾ Điều này sau này được “học tập” bởi nhiều toà án khác của Anh và thậm chí là lan truyền, ảnh hưởng mạnh mẽ đến toà án các quốc gia khác, đặc biệt là toà án của Mỹ.

3. Hiệu lực của án lệ ở Anh

Trong hệ thống pháp luật Anh, án lệ có giá trị ràng buộc chính thức đối với các vụ

(9). Trong nhiều thế kỉ, ở Anh thẩm quyền xét xử phúc thẩm cuối cùng thuộc về Ủy ban phúc thẩm của Thượng nghị viện và Ủy ban tư pháp của Hội đồng cơ mật. Trong đó, Ủy ban tư pháp của Hội đồng cơ mật chỉ là cấp xét xử phúc thẩm cuối cùng đối với một số trường hợp nhất định, đại đa số vụ phúc thẩm đều do Ủy ban phúc thẩm của Thượng nghị viện giải quyết. Đây được coi là điểm đặc thù trong cấu trúc của hệ thống tòa án Anh. Kể từ ngày 01/10/2009, Tòa án tối cao của Vương quốc Anh chính thức bước vào hoạt động với tư cách là cấp xét xử phúc thẩm cuối cùng ở Vương quốc Anh và chính thức lấy lại thẩm quyền xét xử phúc thẩm từ Thượng nghị viện, quyền giải quyết các vụ việc về phân định thẩm quyền giữa chính phủ trung ương và chính quyền địa phương từ Hội đồng cơ mật.

(10). Micheal Bogdan, sđd, tr. 95, 96.

(11). Nguyễn Văn Nam, tldđ, tr. 41.

(12). Micheal Bogdan, sđd, tr. 97.

việc trong tương lai song ở đó cũng nảy sinh vấn đề: đâu là ranh giới giữa bản án bắt buộc và bản án không bắt buộc, giữa phần bắt buộc và phần không bắt buộc của án lệ? Để phân biệt ranh giới giữa bản án bắt buộc và bản án không bắt buộc người ta có thể dựa vào nguyên tắc tiền lệ pháp, còn ranh giới cơ bản để phân biệt phần bắt buộc hay không bắt buộc của án lệ người ta dựa trên sự khác nhau giữa hai phần là “Ratio decidendi” và “Obiter dictum”.

“Ratio decidendi” (tiếng Latin có nghĩa là “lí do để quyết định”) trong mỗi bản án có thể hiểu là cơ sở lập luận quan trọng để đi đến phán quyết, là những nguyên tắc, quy phạm pháp luật dựa vào đó người thẩm phán ra quyết định đối với các đương sự trong vụ việc đã xử. Bộ phận này của bản án có giá trị ràng buộc.

“Obiter dictum” (tiếng Latin có nghĩa là “những điều tiện nói thêm”) thì trái lại, là phần bình luận, nhận xét hoặc ý kiến của thẩm phán đưa ra trong quá trình xét xử vụ việc chứ không phải là những lí lẽ cần thiết để đi đến phán quyết.⁽¹³⁾ Chính vì vậy, phần này không có giá trị ràng buộc (tuy nhiên, đôi khi, nó có giá trị thuyết phục đáng kể do vị trí của toà án và danh tiếng của thẩm phán đưa ra quyết định đó). Nguyên nhân khiến “Obiter dictum” không có giá trị bắt buộc còn là vì nó được đưa ra mà không có sự kiểm nghiệm và xem xét hậu quả thực tế từ phía thẩm phán. Điều này có nghĩa là nó có thể chưa được xem xét một cách kĩ lưỡng như “Ratio decidendi”.⁽¹⁴⁾

Đôi khi việc phân định giữa “Ratio decidendi” và “Obiter dictum” khá dễ dàng, đặc biệt khi vị thẩm phán có ý thức rõ ràng về vai trò của mình là người làm ra luật, xác định rõ ràng tuyên bố nào của ông ta là “obiter”, chẳng hạn như bằng cách nói: tôi muốn bổ sung rằng đã có thể tuyên bố là bị đơn có tội nếu vụ việc có những diễn biến như thế này... Mục đích của câu tuyên bố được coi là “obiter” vì có thể là vị thẩm phán muốn giải thích và minh họa lập luận của ông ta bằng các ví dụ khác nhau hoặc phân biệt các vấn đề nảy sinh trong vụ việc này với các vấn đề tương tự khác. Tuy nhiên, trong đa số trường hợp, các thẩm phán không có ý thức trong việc xây dựng phần “Ratio decidendi” rõ ràng tách biệt với phần “Obiter dictum”. Trong những vụ việc như vậy, không phải vị thẩm phán đã tạo ra án lệ chỉ ra ranh giới giữa “Ratio decidendi” và “Obiter dictum” mà chính là thẩm phán của các vụ việc sau đó, các luật sư thực hành, các nhà nghiên cứu luật, sinh viên luật và các đối tượng khác vì nhiều nguyên nhân đã đưa ra sự phân biệt.

“Ratio decidendi” của phán quyết được đưa ra không phải một cách vĩnh cửu. Một vài thập kỉ hoặc thậm chí vài trăm năm sau khi phán quyết được đưa ra, các giá trị trong xã hội đã bị thay đổi có thể dẫn tới việc một số tình tiết trước kia được coi là không phù hợp thì nay sẽ được đánh giá là quan trọng. Toà án Anh đóng góp vào sự phát triển liên tục của pháp luật không chỉ bằng cách xem xét các vụ việc trước kia toà chưa xem xét (các vụ việc chưa được giải quyết lần đầu) mà có thể bằng cách bãi bỏ

(13). Trường Đại học Luật Hà Nội, sđd, tr. 261.

(14). Micheal Bogdan, sđd, tr. 93.

các án lệ trước đó (overruling) hoặc bằng phương pháp chỉ ra sự khác biệt về tình tiết (distinguishing) của vụ việc hiện tại và vụ việc trong án lệ. Mặc dù các toà án Anh có quyền bác bỏ án lệ, tuy nhiên đôi khi các thẩm phán thực hiện quyền thay đổi pháp luật đó một cách miễn cưỡng. Nếu thẩm phán không tán thành án lệ cụ thể nào đó, họ sẽ né tránh bằng cách chỉ ra sự khác biệt giữa án lệ đó với vụ việc thẩm phán đang xem xét bằng mọi tình tiết có thể và như vậy chỉ một chi tiết khác biệt cũng được coi là đủ để không áp dụng một án lệ đối với vụ việc cụ thể.⁽¹⁵⁾ Những quyết định trước đây được coi là án lệ quan trọng, bằng cách này đã mất giá trị thực tiễn mà không cần có toà án nào tuyên bố một cách rõ ràng rằng các án lệ đó đã lạc hậu và cần bác bỏ (những án lệ như vậy được gọi một cách hài hước là “những án lệ rất khác biệt”). Điều này có liên quan đến sự miễn cưỡng của toà án Anh trong việc công khai thừa nhận vai trò sáng tạo các quy định mới của pháp luật và sự ưa chuộng “khám phá” ra các quy định đã tồn tại và còn ẩn trong kho án lệ quý giá.

Việc hình thành “Ratio decidendi” của vụ việc sẽ đặc biệt khó khăn khi vụ việc được phán quyết tại toà án có nhiều thẩm phán, bởi vì các thẩm phán khác nhau có thể có cùng quyết định nhưng với những lí do khác nhau, ví dụ như có những bản án của Thượng nghị viện chứa đựng tới năm nguyên tắc pháp lí (ratio decidendi) mà dựa

vào đó thì phán quyết được đưa ra.⁽¹⁶⁾ Việc xác định “Ratio decidendi” sẽ còn phức tạp hơn, gây khó khăn cho giới hành nghề luật bởi các ý kiến bất đồng đó đều được xuất bản, được nghiên cứu và có thể có những giá trị nhất định.

4. Cách viết bản án

Sở dĩ đặt ra các yêu cầu về cách viết bản án vì tính rõ ràng, rành mạch, văn phong của bản án ảnh hưởng đến quá trình áp dụng án lệ sau này nếu bản án đó trở thành án lệ. Không có thẩm phán nào xác định trước rằng bản án của mình tuyên ra đối với vụ việc đang thụ lí giải quyết sẽ trở thành căn cứ pháp lí cho các thẩm phán dựa vào đó để đưa ra các phán quyết có tình tiết tương tự trong tương lai, hay nói cách khác bản án đó trở thành án lệ. Tuy nhiên, rất có thể những lập luận, cách giải quyết ghi nhận trong bản án đó sẽ trở thành án lệ, khi bản án đó làm rõ một vấn đề pháp luật nào đó. Khi đó, nếu bản án được trình bày thiếu rõ ràng, thiếu khoa học hoặc được thể hiện với lối văn phong cầu thả sẽ gây khó khăn không nhỏ cho quá trình áp dụng án lệ. Hơn nữa, nguyên tắc ghi chép án lệ ở Anh không cho phép người ghi chép được quyền biên tập lại án lệ.

Cách viết bản án ở Anh có sự khác nhau giữa các toà án. Toà án cấp cao (High Court) có thể đưa ra một bản án dài, chiếm nhiều dung lượng của tuyển tập án lệ. Ở Toà án phúc thẩm, mỗi toà chuyên trách lại có một

(15). Micheal Bogdan, sdd, tr. 92.

(16). J.P. Price, *The English Legal System*, MacDonald and Evans, 1979, p. 99.

kiểu bản án. Trong khi đó, đối với Ủy ban phúc thẩm của Thượng nghị viện Anh trước đây, có tới năm kiểu viết án khác nhau (thường được gọi là speeches).⁽¹⁷⁾ Tuy nhiên, những khác biệt trong cách viết bản án giữa các toà án là không đáng kể. Ở phương diện nào đó, cách viết bản án (style and form of judgments) của toà án cấp phúc thẩm không khác nhiều so với toà án cấp dưới.⁽¹⁸⁾

Trong một vụ kiện diễn ra tại toà, thẩm phán sẽ xem xét các chứng cứ, nghe lời khai của nhân chứng và lập luận của các bên từ đó đưa ra quyết định bằng văn bản xác định bên thắng kiện. Quyết định này được đưa ra dựa trên sự tin tưởng vào tình tiết thực tế đã xảy ra và việc xác định cách thức áp dụng luật cho tình huống đó của thẩm phán. Quyết định bằng văn bản đó được gọi là bản án, thường dài và có thể chứa đựng khá nhiều bình luận không hoàn toàn liên quan đến vụ kiện, cũng như các giải thích nguyên tắc pháp lí mà dựa vào đó thẩm phán đưa ra quyết định.

Phần giải thích các nguyên tắc pháp lí mà dựa vào đó thẩm phán đưa ra phán quyết được gọi là “Ratio decidendi”. Như đã trình bày ở trên, phần “Ratio decidendi” tạo thành tiền lệ mang tính ràng buộc (authoritative precedent), trở thành án lệ. Tất cả những phần còn lại của bản án, không thuộc phần “Ratio decidendi”, được gọi là “Obiter dictum”. Đây thường là những nội dung thảo luận về các tình huống giả thuyết: ví dụ, thẩm phán có thể nói “Jones đã làm điều

này, nhưng nếu cô ấy đã làm điều đó, quyết định của tôi sẽ là như vậy...”. Ý kiến của thẩm phán ở phần “Obiter dictum” không thể tạo thành án lệ, mặc dù các thẩm phán trong tương lai có thể phần nào đó chịu ảnh hưởng bởi những ý kiến này và khi đó nó được coi là tiền lệ thuyết phục (persuasive precedent).

Như vậy có thể thấy, một bản án của thẩm phán Anh thường chứa đựng hai nội dung: phần lập luận (ratio decidendi) và phần bình luận (obiter dictum). Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng án lệ ở Anh, nhiều thẩm phán đã dùng lí do không xác định được phần lập luận (ratio decidendi) trong bản án hoặc không xác định được đâu là lập luận chính để né tránh việc chịu sự ràng buộc bởi phần lập luận trong bản án trước đó (án lệ). Điều này xuất phát từ sự cầu thả của các thẩm phán Anh trong quá trình viết bản án,⁽¹⁹⁾ trong đó không xác định rõ cái gì hay phần nào là “Ratio decidendi”, còn cái gì là “Obiter dictum”.⁽²⁰⁾

5. Công bố án lệ ở Anh

Hàng năm ở Anh có hàng ngàn bản án được ra đời. Tuy nhiên, không phải tất cả các bản án đó sẽ trở thành án lệ và phần lớn các bản án trong số đó sẽ không được công bố (unreported). Điều đó có nghĩa, chúng không được tìm thấy trong các tuyển tập án lệ (law report) ở Anh, thông thường lí do là các bản án này không liên quan đến bất kì điểm mới hay vấn đề quan trọng nào đó của pháp luật.

(19). J.P. Price, sđd, tr. 98.

(20). Rene David, *Những hệ thống pháp luật chính trong thế giới đương đại*, bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Sỹ Dũng và Phạm Đức Lam, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr. 280.

(17). J.P. Price, sđd, tr. 98.

(18). Peter De Cruz, tldd, tr. 248.

Theo thống kê, toàn bộ số bản án của Toà án tối cao được công bố và trở thành án lệ, phần lớn bản án của Toà án phúc thẩm trở thành án lệ, trong khi đó con số này của Toà án cấp cao chỉ chiếm một phần nhỏ.⁽²¹⁾

Các biên tập viên của loạt tuyển tập án lệ là người quyết định có nên đưa một bản án nào đó vào trong tuyển tập án lệ chứ không phải là thẩm phán đưa ra bản án đó: “*Để xác định một bản án đáng đưa vào tuyển tập, bản án đó phải đưa ra một nguyên tắc mới hoặc một quy định mới của pháp luật, sửa đổi cơ bản một nguyên tắc pháp luật hiện hành hoặc giải quyết một vấn đề nghi vấn về pháp luật. Điều này cũng bao gồm việc giải thích các đạo luật và các vụ việc quan trọng minh họa, áp dụng các nguyên tắc pháp lý mới được thừa nhận. Do đó một vụ việc chỉ dựa trên các tình tiết riêng của nó thì không thể được lựa chọn xuất bản*”.⁽²²⁾

5.1. Các tuyển tập án lệ (law reports)

Ở Anh, các bản án trở thành án lệ được ghi chép, tập hợp vào những tuyển tập án lệ (Law Report). Đây được coi như dấu hiệu về hình thức để nhận biết một bản án có phải là án lệ hay không. Trước năm 1865, các tuyển tập án lệ ở Anh được cá nhân xuất bản riêng.

(21). “Understanding UK Case Law”, <https://www.soas.ac.uk>, truy cập 18/7/2020. Theo số liệu thống kê trước đây, khi còn tồn tại Ủy ban phúc thẩm của Thượng nghị viện Anh, tỉ lệ bản án của các toà án trong hệ thống toà án của Anh được công bố và trở thành án lệ lần lượt là: 75% số bản án của Ủy ban phúc thẩm của Thượng nghị viện, 25% số bản án của Toà án phúc thẩm và 10% số bản của Toà án cấp cao, Rene David, sđd, tr. 281).

(22). *Understanding UK Case Law*, tldđ, tr. 1.

Chúng được nhắc đến bằng tên của các cá nhân tập hợp và biên soạn ra chúng và được gọi chung là “Nominate Reports”. Phần lớn các bản án cổ hơn có thể được tìm thấy trong các tuyển tập mang tên English Reports hoặc All England Law Reports Reprints. Năm 1865, Đoàn Luật sư Anh (The Bar Council) đã thành lập Hội đồng hợp nhất tuyển chọn án lệ (Incorporated Council of Law Reporting) và xuất bản ra loạt tuyển tập án lệ chính thức Law Reports (Official Law Reports) - một loạt tuyển tập đơn lẻ chứa đựng bản án của tất cả các toà án cấp trên của Anh. Các phán quyết của loạt tuyển tập này được trích dẫn tại toà án nhiều hơn bất kì tuyển tập án lệ nào khác ra đời trước đó. Sau đó, hàng loạt tuyển tập án lệ của các nhà xuất bản khác được ra đời mang tính cạnh tranh cao, trong đó những tuyển tập nổi tiếng nhất là All England Law Reports, Weekly Law Reports và các tuyển tập án lệ thuộc các lĩnh vực luật chuyên ngành cụ thể khác.⁽²³⁾

Quy trình một bản án được coi là án lệ ở Anh sau khi được thẩm phán tuyên có hiệu lực cho đến khi chính thức được xuất bản vào những tuyển tập án lệ chính thức trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Đầu tiên, bản án sau khi được thẩm phán tuyên sẽ được các báo đưa tin (báo The Times thường đưa tin khoảng 10% các bản án của toà án hằng ngày). Tiếp đó, trước khi bản án được xuất bản trong những tuyển tập án lệ chuyên biệt (Specialised Law Reports), một số tạp chí chuyên ngành sẽ đăng tải ngắn gọn nội dung

(23). *Understanding UK Case Law*, tldđ, tr. 2.

vụ việc đã xử, ví dụ các tạp chí như: Tạp chí Luật sư tư vấn (The Solicitors Journal), Tạp chí Luật mới (The New Law Journal). Tuy nhiên, những nội dung được đăng tải ở các tạp chí chuyên ngành này không có giá trị tin cậy tại toà án. Một thời gian sau, toàn văn bản án sẽ được xuất bản ở một trong hai hoặc cả hai loạt Tuyển tập án lệ mang tên All England Law Reports và Weekly Law Reports. Cuối cùng, bản án có giá trị chính thức sẽ được xuất bản vào loạt Tuyển tập án lệ chính thức của nước Anh - Law Reports. Quá trình để một bản án được ghi nhận vào trong Tuyển tập án lệ chính thức Law Reports thường mất khoảng 9 tháng kể từ khi vụ việc đó được xử xong.⁽²⁴⁾

Như vậy, có thể thấy thứ bậc của các tuyển tập án lệ ở Anh xét về độ tin cậy theo thứ tự từ trên xuống lần lượt là: Law Reports, Weekly Law Reports, All England Law Reports và cuối cùng là một số tuyển tập chuyên biệt.

5.2. Việc ghi chép án lệ

Như đã trình bày ở trên, ở Anh, từ giữa thế kỉ XIX trở về trước, việc ghi chép bản án do các cá nhân thực hiện mà không hề được cơ quan đã xét xử vụ án kiểm tra lại trước khi công bố. Hơn nữa, chất lượng của việc ghi chép này hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng và trình độ của từng người ghi chép. Do vậy, một số vụ án đã không được áp dụng vì thiếu tính khoa học. Để giải quyết vấn đề này, năm 1865, Anh đã thành lập hội đồng ghi chép án lệ có tên là Incorporated Council of Law Reporting với mục đích ghi lại một cách trung

thực tình tiết của vụ án và quan điểm của thẩm phán cùng với quyết định của toà (đặc biệt là các quyết định của toà án cấp cao).

Về nguyên tắc, sau khi ghi chép những án lệ này phải được toà án nơi ra phán quyết kiểm tra lại trước khi xuất bản. Trên thực tế, hầu hết những vụ án quan trọng, điển hình đặc biệt là những vụ án do các toà cấp cao xét xử sẽ được ghi lại một cách chi tiết. Sau đó, những người có thẩm quyền theo luật định sẽ quyết định vụ án nào sẽ được lưu lại để làm cơ sở cho việc xét xử sau này. Hiện nay, Anh cũng như các nước theo truyền thống common law đều lập ra cơ quan chuyên trách ghi chép án lệ. Như vậy, khi một vụ án được cơ quan có thẩm quyền ghi chép lại vào những văn bản (Law Report) một cách hợp pháp thì nó sẽ trở thành một nguồn luật của quốc gia.

Một trong những nguyên tắc ghi chép án lệ là việc ghi chép phải đầy đủ, chi tiết, đồng thời phải giúp người tra cứu tìm được án lệ một cách nhanh chóng và chính xác. Vì vậy khi ghi chép tình tiết vụ án, những nhận định và phân xử của toà án đối với vụ án thì những nội dung chính sau đây phải được thể hiện ở phần đầu của án lệ: tên của các bên trong vụ việc, năm toà án ra phán quyết, số tập văn bản của tuyển tập án lệ trong năm, chữ viết tắt của tuyển tập án lệ, số trang bắt đầu ghi nhận bản án trong tuyển tập án lệ.⁽²⁵⁾⁽²⁶⁾ Ví dụ: Smith v Jones [1998] WLR. 123.

Tên của vụ án: Tên vụ án là tên nguyên đơn (bên khởi kiện/ kháng cáo) và tên bị đơn

(25). Rene David, sđd, tr. 281.

(26). Understanding UK Case Law, tlđd, tr. 5.

(24). Understanding UK Case Law, tlđd, tr. 2.

của vụ án (thường viết nghiêng). Trên nguyên tắc tên nguyên đơn thường đặt trước, tên bị đơn viết sau. Tên các bên có thể được ghi cụ thể hoặc viết tắt, đôi khi tên của các bên được in đậm hoặc gạch chân. Đối với các vụ án mà luật pháp không cho phép viết tên đầy đủ của các đương sự vì lí do bí mật (đặc biệt đối với các vụ án liên quan đến trẻ em, người tàn tật) thì tên các bên sẽ được viết tắt. Tên của bên đối kháng được ngăn cách bởi chữ “v” (là chữ viết tắt của chữ Versus, tiếng Latin có nghĩa là “kiện”, “chống lại” nhưng trong vụ dân sự lại dùng chữ “và”). Các vụ việc hình sự thường bắt đầu bằng chữ RI hoặc R (ký hiệu chỉ nhà vua - Rex hoặc Nữ hoàng - Regina) và chữ “v” có nghĩa là kiện “chống lại”, ví dụ: R v. Smith. Năm toà án ra phán quyết đối với vụ án: được ghi liền sau tên của vụ án khi trích dẫn, năm ra phán quyết được cho vào ngoặc đơn. Cần phân biệt hai cách ghi năm ra phán quyết khác nhau: Cách ghi con số năm ra phán quyết nằm trong ngoặc đơn; trong trường hợp thời gian ra phán quyết là yếu tố không quan trọng trong việc tra cứu án lệ (tuyển tập án lệ đó chỉ có 1 tập trong năm xuất bản), ví dụ: R v Lynch (1996) 50 Cr.App.R. 59. Cách ghi số năm nằm trong ngoặc vuông: Trong trường hợp số năm này có ý nghĩa quan trọng để tìm được án lệ (năm xuất bản đó, tuyển tập án lệ có nhiều tập khác nhau), ví dụ: Templeton v Jacobs [1966] 1 WLR 1433.

Số tập văn bản của tuyển tập án lệ trong năm: Trong trường hợp trong năm đó tuyển tập án lệ có nhiều hơn 1 tập được xuất bản.

Tên viết tắt của văn bản ghi chép: Mỗi

tuyển tập án lệ đều có chữ viết tắt riêng của tuyển tập án lệ đó. Ví dụ: án lệ Templeton v Jacobs [1966] 1 WLR 1433, trong đó, chữ WLR là chữ viết tắt của Tuyển tập Weekly Law Reports. Trong khi đó, loạt tuyển tập án lệ Law Reports lại có cách ghi riêng theo kí hiệu của từng toà án ra phán quyết cho bản án được xuất bản. Mỗi ban của toà cấp cao đều có các báo cáo riêng, phân biệt bởi các chữ cái viết tắt. Ví dụ: Q.B. là của Toà Nữ hoàng; C.H. là của Toà Đại pháp và F. hoặc Fam là của Toà Gia đình. Các báo cáo định kì có ký hiệu là A.C. (viết tắt của từ Appeal Case: án phúc thẩm) là các quyết định của toà phúc thẩm. C.A. (Court of Appeal).

Số trang đầu tiên ghi nhận bản án trong tuyển tập án lệ: Đôi khi người ta ghi số thứ tự trang đầu tiên và số thứ tự của trang cuối cùng của văn bản ghi lại án lệ.

6. Một số gợi mở cho việc xây dựng và áp dụng án lệ tại Việt Nam

Liên hệ với Việt Nam, xuất phát từ sự khác nhau về truyền thống pháp luật cũng như trong tư duy pháp lí của các luật gia của hai quốc gia, có thể thấy giữa Việt Nam và Anh có nhiều điểm khác biệt về tiêu chuẩn của án lệ, quy trình công bố án lệ cũng như về cách viết bản án. Từ những khác biệt này, có thể đưa ra một số kinh nghiệm của Anh mà Việt Nam có thể học hỏi để việc xây dựng và áp dụng án lệ hiệu quả hơn.

Thứ nhất, về tiêu chí của án lệ

Như đã trình bày ở trên, ở Anh, một bản án để có thể được đưa vào tuyển tập án lệ thì bản án đó phải đưa ra một nguyên tắc mới hoặc một quy định mới của pháp luật, sửa

đổi cơ bản một nguyên tắc pháp luật hiện hành hoặc giải quyết một vấn đề nghi vấn về pháp luật. Điều này cũng bao gồm việc giải thích các đạo luật và các vụ việc quan trọng minh họa, áp dụng các nguyên tắc pháp lý mới được thừa nhận. Như vậy, một bản án chỉ dựa trên các tình tiết riêng trong vụ việc đó thì không thể được lựa chọn xuất bản. Tiêu chí cốt lõi của án lệ là phải chứa đựng nguyên tắc pháp lý mới, giải pháp pháp lý mới (có thể là mới hoàn toàn hoặc sửa đổi cơ bản một nguyên tắc, giải pháp pháp lý hiện hành) hoặc làm rõ những nghi vấn trong cách áp dụng một quy định pháp luật hiện hành (giải thích pháp luật).

Ở Việt Nam, theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 04), án lệ được lựa chọn phải đáp ứng được các tiêu chí sau:

“1. Có giá trị làm rõ quy định của pháp luật còn có cách hiểu khác nhau, phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên tắc, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng trong một vụ việc cụ thể hoặc thể hiện lẽ công bằng đối với những vấn đề chưa có điều luật quy định cụ thể;

2. Có tính chuẩn mực;

3. Có giá trị hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử”.

Có thể thấy, theo quy định tại khoản 1, tương tự như ở Anh, án lệ ở Việt Nam cũng cần đạt tiêu chí có giá trị giải thích pháp luật (có giá trị làm rõ quy định của pháp luật còn

có cách hiểu khác nhau) và đưa ra nguyên tắc pháp lý, giải pháp pháp lý mới (thể hiện lẽ công bằng đối với những vấn đề chưa có điều luật quy định cụ thể). Tuy nhiên, tiêu chí “phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên tắc, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng trong một vụ việc cụ thể” dường như được quy định hơi thừa. Đó cũng là yêu cầu bắt buộc chung đối với bất kỳ bản án thông thường nào. Do đó, để quy định ở khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 04 được gọn, tránh thừa thì không cần thiết có tiêu chí đó.

Ngoài ra, tiêu chí “Có tính chuẩn mực” quy định ở khoản 2 chưa có cách hiểu cụ thể, rõ ràng. Bản án hay nguyên tắc pháp lý thế nào được coi là có tính chuẩn mực? Bản án có hiệu lực pháp lý đã được coi là có tính chuẩn mực chưa hay phải là bản án của tòa án cấp trên, được tuyên ra bởi các thẩm phán có uy tín và có nhiều năm kinh nghiệm hành nghề? Nếu xác định “tính chuẩn mực” theo tính mới, có tính chất hướng dẫn, định hướng áp dụng pháp luật một cách thống nhất thì lại trùng với tiêu chí quy định ở khoản 1. Theo kinh nghiệm của Anh, một cách đơn giản, họ xác định chỉ những bản án của tòa án cấp trên (Tòa án Tối cao, tòa án phúc thẩm, Tòa án Cấp cao) mới có thể trở thành án lệ. Trong khi đó, theo tinh thần của Nghị quyết số 04 thì bản án, quyết định của bất kỳ tòa án nào, bao gồm cả tòa án nhân dân cấp huyện, cũng có thể được lựa chọn để công bố án lệ. Thực tiễn ở Việt Nam lại cho thấy, hầu hết trong số 39 án lệ đã công bố (tính đến tháng 8/2020) có nguồn là các bản

án, quyết định của các toà án cấp trên.⁽²⁷⁾ Như vậy, để các tiêu chí của án lệ được đơn giản và rõ ràng thì thay vì quy định tiêu chí “có tính chuẩn mực”, hướng dẫn của Nghị quyết số 04 nên chỉ rõ phạm vi các bản án có thể được lựa chọn trở thành án lệ là các bản án, quyết định của các toà án cấp trên (Toà án nhân dân tối cao, Toà án nhân dân cấp cao và toà án nhân dân cấp tỉnh).

Thứ hai, về cách viết bản án

Thực tế hiện nay ở các toà án Việt Nam, đa số các bản án, quyết định của toà án còn tập trung vào những nội dung mang tính “sự vụ”, lập luận của thẩm phán về đường lối giải quyết vụ việc còn thiếu những nội dung mang tính khái quát cao nên khó có thể lựa chọn được nhiều án lệ có chất lượng tốt.⁽²⁸⁾ Do đó, cần có thay đổi trong cách viết bản án của các thẩm phán. Các lập luận của thẩm phán phải được thể hiện rõ ràng và có giá trị vận dụng để giải quyết những vụ việc tương tự trong tương lai. Kinh nghiệm trong cách viết bản án của thẩm phán Anh, bản án chứa đựng hai nội dung: phần lập luận và phần bình luận cũng là gợi ý đáng tham khảo. Mỗi bản án có sự phân biệt rõ ràng phần lập luận và phần bình luận như vậy sẽ giúp cho quy trình xây dựng án lệ diễn ra nhanh chóng hơn, các thẩm phán sau này vận dụng các án lệ cũng thuận tiện hơn./.

(27). <https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/portal/anle/anle>, truy cập 15/7/2020.

(28). Chu Thành Quang, “Án lệ theo quy định của Việt Nam và những định hướng phát triển”, Tài liệu Toạ đàm về án lệ và Toà người chưa thành niên, Toà án nhân dân tối cao, tháng 12/2016.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Benjamin Johnson, Richard Jordan, *Why Should Like Cases Be Decided Alike? A Formal Model of Aristotelian Justice*, 2017, <https://scholar.princeton.edu>
2. Catherine Elliott và Frances Quinn, “*English Legal System*”, Pearson Longman, 2009.
3. Elizabeth A. Martin (biên soạn), “Oxford Dictionary of Law”, *Oxford University Press*, 2003.
4. J.P. Price, *The English Legal System*, MacDonal and Evans, 1979.
5. Micheal Bogdan, *Luật so sánh*, bản dịch tiếng Việt của Lê Hồng Hạnh và Dương Thị Hiền, Nxb. Kluwer Law & Taxation, 1994.
6. Peter De Cruz, “*Comparative Law in A Changing World*”, Cavendish Publishing Limited, 1999.
7. Rene David, “*Những hệ thống pháp luật chính trong thế giới đương đại*”, bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Sỹ Dũng và Phạm Đức Lam, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Văn Nam, “Nghiên cứu so sánh nguồn luật án lệ trong hệ thống pháp luật nước Anh”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 5/2007.
9. Chu Thành Quang, “Án lệ theo quy định của Việt Nam và những định hướng phát triển”, Tài liệu Toạ đàm về án lệ và Toà người chưa thành niên, Toà án nhân dân tối cao, tháng 12/2016.
10. Đỗ Thanh Trung, *Án lệ: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, <http://tks.edu.vn/>